

QUYẾT ĐỊNH

về việc thành lập Chi bộ Tân Minh trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 20/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về sắp xếp, thành lập tổ chức đảng ở thôn, tổ dân phố; - Căn cứ Quy định số 07-QĐ/ĐU ngày 23/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 11-QC/ĐU ngày 09/10/2025 của Ban Chấp hành bộ Đảng ủy xã Yên Thịnh, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (sửa đổi bổ sung);
- Căn cứ Đề án số 08-ĐA/ĐU ngày 23/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Yên Thịnh về sắp xếp, thành lập các chi bộ sau sắp xếp, tổ chức lại thôn trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh;
- Xét đề nghị của Ban Xây dựng Đảng,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Chi bộ Tân Minh trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh trên cơ sở hợp nhất Chi bộ Tân Minh 1, Tân Minh 2 (*trước sắp xếp*) từ ngày 01/7/2026, gồm 57 đảng viên (*Có danh sách kèm theo*).

Nhiệm kỳ của Chi bộ là nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Chi bộ Tân Minh thực hiện theo Quy định của Điều lệ Đảng và các quy định hiện hành.

Điều 3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Chi bộ Tân Minh; các cấp ủy, đảng viên; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã;
- Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Hoàng Văn Lãng

DANH SÁCH

Đảng viên Chi bộ Tân Minh, xã Yên Thịnh

(Kèm theo Quyết định số 201 -QĐ/ĐU ngày 29 /6 /2026 của Đảng ủy xã Yên Thịnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
1	Triệu Minh Tới	10/02/1989	05/10/2018	05/10/2019	
2	Nông Văn Quyên	04/12/1964	25/06/2008	25/06/2009	
3	Nông Văn Lang	04/03/1963	10/04/1999	10/04/2000	
4	Triệu Văn Bình	10/07/1971	08/11/2001	08/11/2002	
5	Nông Lâm Hòa	15/04/1975	20/12/2013	20/12/2014	
6	Hoàng Thị Huệ	17/11/1985	01/07/2014	01/07/2015	
7	Triệu Thị Cúc	16/09/1977	26/03/2018	26/03/2019	
8	Hoàng Văn Độ	30/12/1961	15/01/2010	15/01/2011	
9	Hoàng Trọng Bình	19/05/1986	20/12/2013	20/12/2014	
10	Hoàng Thị Ngụy	13/03/1949	26/03/1968	26/03/1969	
11	Nguyễn Thị Ương	02/09/1942	28/02/1966	28/02/1967	
12	Nông Thị Khỏa	19/12/1953	02/11/1984	02/11/1985	
13	Hoàng Văn Danh	10/01/1960	20/06/1998	20/06/1999	
14	Nông Thị Ôn	02/08/1947	02/09/1967	09/12/1968	
15	Triệu Thị Chư	01/05/1956	25/02/1982	25/02/1983	
16	Nông Thị Ngụy	04/05/1945	19/07/1968	06/11/1969	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
17	Ma Đình Chúc	15/07/1952	27/01/1994	27/01/1994	
18	Triệu Văn Đắc	24/09/1959	09/01/1987	09/01/1988	
19	Nông Văn Sầu	01/07/1960	10/04/1999	10/04/2000	
20	Hoàng Thị Tô	01/07/1961	03/02/1997	03/02/1998	
21	Triệu Văn Trọng	10/03/1964	07/11/2016	07/11/2017	
22	Hà Thị Thủy	07/03/1963	15/06/1999	15/06/2000	
23	Nông Thị Thúy Thảo	13/11/1991	09/12/2025		
24	Ma Văn Thái	09/02/1970	10/04/1999	10/04/2000	
25	Ma Văn Thắng	12/12/1967	30/12/2007	30/12/2008	
26	Ma Trung Diện	28/7/1979	19/12/2001	19/12/2002	
27	Triệu Thị Hiền	21/08/1954	15/12/1979	17/06/1981	
28	Hoàng Văn Thuận	12/04/1961	27/01/1994	27/01/1995	
29	Ma Ngọc Trân	07/11/1978	19/12/2001	19/12/2002	
30	Triệu Văn Huy	27/01/1994	05/10/2018	05/10/2019	
31	Ma Thị Thắm	04/05/1971	20/01/2009	20/01/2010	
32	Ma Văn Thủy	04/10/1950	26/07/1981	26/07/1982	
33	Ma Văn Thanh	16/03/1956	30/12/1997	30/12/1998	
34	Triệu Văn Hòa	23/03/1969	07/03/1998	07/03/1999	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
35	Lâm Thị Thủy	19/01/1972	20/01/2009	20/01/2010	
36	Triệu Khánh Cường	17/12/1989	02/09/2015	02/09/2016	
37	Ma Thị Đẹp	19/12/1965	03/02/1997	03/02/1998	
38	Ma Văn Bộ	04/05/1996	26/03/2023	26/03/2024	
39	Ma Văn Luân	26/7/1953	19/08/1974	19/08/1975	
40	Triệu Thị Tiệp	05/05/1961	26/01/1983	26/01/1984	
41	Nguyễn Anh Tú	26/08/1990	25/02/2015	25/02/2016	
42	Hoàng Trung Kiên	03/12/1985	08/01/2016	08/01/2017	
43	Nguyễn Thị Triệu Vy	18/04/2001	25/05/2024	25/05/2025	
44	Trần Đức Cảnh	05/03/1993	19/09/2024	19/09/2025	
45	Ngô Thị Núi	05/06/1968	10/05/2007	10/05/2008	
46	Nông Thị Lý	15/01/1968	10/11/2011	10/11/2012	
47	Triệu Thị Liên	11/10/1990	26/03/2018	26/03/2019	
48	Ma Thị Toán	22/10/1960	26/01/1983	26/01/1984	
49	Triệu Văn Hiệp	02/11/1961	30/12/1997	30/12/1998	
50	Ma Văn Bàn	12/05/1957	30/12/1997	30/12/1998	
51	Lý Thị Huệ	06/08/1967	20/06/1998	20/06/1999	
52	Triệu Thị Đáo	14/04/1972	30/12/2006	30/12/2007	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
53	Ma Thế Vă	17/02/1991	07/11/2016	07/11/2017	
54	Nông Thị Bời	22/08/1977	19/05/2013	19/05/2014	
55	Ma Thị Hiền	15/01/1976	26/03/2018	26/03/2019	
56	Triệu Thị Luyến	18/11/1977	19/05/2013	19/05/2014	
57	Hoàng Văn Uyên	10/05/1973	03/11/2016	03/11/2017	

(Danh sách có 57 đồng chí)